Kiểu dữ liệu dart

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu dữ liệu** | | **Nội dung** | |
| **Num** | | **bao gồm int và double** | |
| **Int (số)** | | khai báo rỗng khác với java (int ? a). | |
| **Double( số thập phân)** | | khai báo rỗng khác với java (double ? a). | |
| **Bool** | | Boolean. | |
| **String** | | chuỗi | |
| **Var** | | khai báo biến động khi không có giá trị mặc định ban đầu có thể gán bằng bất kỳ kiểu dữ liệu nào. Ngược lại khi có giá trị mặc định ban đầu thì phải theo kiểu dữ liệu giá trị mặc định đó. | |
| **Dynamic** | | khác với var có thể gán giá trị bằng bất kỳ giá trị nào kể cả khi có giá trị mặc định ban đầu hay không. | |
| **enum** | | Giống obj trong java.  Cách khai báo : enum person {a, b, c}  Tên biến không được trùng với tên phần tử | |
| **Iterable** | | Liệt kê các phần tử dạng số | |
|  | |  | |
| **List** | **Không chỉ định kiểu dữ liệu** | Cách khai báo: var list1 = [];  Có thể add giá trị nhiều kiểu dữ liệu vào trong mảng | **//insert thêm giá trị vào mảng tại vị trí**  // list1.insert(4,3);    **// // xóa dữ liệu**  // // list1.remove(7);  **// // xóa dữ liệu tại vị trí**  // // list1.removeAt(4);  **// // xóa dữ liệu tại vị trí cuối**  // // list1.removeLast();  **// // xóa dữ liệu trong khoảng**  list1.removeRange(0,3);  **// // clear mảng**  // // list1.clear();    **reversed đảo chiều list**  list1.reversed.forEach((x) {  // print(x);  // }); |
| **Chỉ định kiểu dữ liệu** | Cách khai báo: List<kiểu dữ liệu> numbers = [];  Chỉ có thể add giá trị của kiểu dữ liệu được chỉ định. **Ngoại trừ kiểu dữ liệu Dynamic** |
| **Map** | | Cách khai báo: var | |